

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày: 03-10-2022
V/v “tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tư.

Ông Nguyễn Tấn Rõn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 9 và 03 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Văn H - Sinh năm 1966;

2. Ông Huỳnh Văn H1 - Sinh năm 1964;

3. Ông Huỳnh Văn T - Sinh năm 1972;

4. Bà Huỳnh Thị N - Sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: khu phố L, thị trấn C, huyện D, tỉnh Long An.

5. Bà Huỳnh Thị G - Sinh năm 1958 - Địa chỉ: khu phố A, thị trấn C, huyện D, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn F - Sinh năm 1959 - Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn C, huyện D, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 10-5-2021) (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Văn B - Sinh năm 1978 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H2 - Sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khu phố L, thị trấn C, huyện D, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Phụng Đức T1 - Sinh năm 1996 - Địa chỉ: khu phố A, thị trấn C, huyện D, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 23-9-2022) (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Văn H3 - Sinh năm 1956. (vắng mặt)

2. Ông Huỳnh Văn U - Sinh năm 1969. (có mặt)

3. Ông Huỳnh Văn P - Sinh năm 1975. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố 4, thị trấn C, huyện D, tỉnh Long An.

4. Bà Lê Thị Ngọc M - Sinh năm 1969 - Địa chỉ: ấp O, xã Y, huyện E, tỉnh Long An. (có mặt)

5. Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ - Trụ sở: khu phố 2, thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

6. Văn phòng công chứng Đức Huệ - Trụ sở: khu phố 2, thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29-6-2022, quá trình tố tụng các ông (bà) Huỳnh Thị N, Huỳnh Văn T, Huỳnh Thị G, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn H1 do ông Nguyễn Văn F đại diện theo ủy quyền trình bày và yêu cầu:

Cha, mẹ các nguyên đơn là ông Huỳnh Văn I, sinh năm 1926 (chết năm 2015) và bà Hà Thị Q, sinh năm 1933 (chết năm 2012) có 12 người con chung (đã chết 03 người, còn sống 09 người) gồm: Huỳnh Văn R (có 01 người con tên Lê Thị Ngọc M được Tòa án xác định cha con tại Bản án số 597/2019/DS-ST ngày 25-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa), Huỳnh Văn H3 (S), Huỳnh Thị G, Huỳnh Thị N1 (chết năm 1973, chưa có chồng con), Huỳnh Thị N, Huỳnh Văn H1, Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị T1 (chết lúc 5 tuổi), Huỳnh Văn U, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn P, Huỳnh Văn B. Ngoài ra, không có người thừa kế nào khác, ông I và bà Q chết không để lại nghĩa vụ tài sản nào.

Cha, mẹ các nguyên đơn chết không để lại di chúc, di sản để lại là diện tích đất 29.486,7m² (theo đo đạc thực tế) đất do cha các nguyên đơn (ông Huỳnh Văn I) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tất cả 29.486,7m² hiện do Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị Ngọc H2 đang quản lý sử dụng. Cụ thể: Thửa 320, diện tích 1.457,9m²; Thửa 185, diện tích 3.929 m²; Thửa 184, diện tích 939,2m²; Thửa 183, diện tích 3.796m²; Thửa 206, diện tích 7.121,5m²; Thửa 205, diện tích 4.359,5m²; Thửa 207, diện tích 373,4m²; Thửa 217, diện tích 4.255,1m²; Thửa 244, diện tích 1.633m²; Thửa 189, diện tích 1.622,1m². Tất cả thuộc tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế 29.486,7m² đất ông I, bà Q để lại 10 phần cho 09 người con và bà M hàng thừa kế thế vị của ông R. Trong đó:

Thửa 206, diện tích 7.121,5m² (Huỳnh Thị G và Huỳnh Thị N nhận trọn thửa 206).

Thửa 205, diện tích 4.359,5m² (Huỳnh Văn T và Huỳnh Văn H nhận trọn thửa 205).

Thửa 217, diện tích 4.255,1m² (Huỳnh Văn H1 nhận trọn thửa 217).

Còn lại 7 thửa với tổng diện tích 13.750,6m²: Thửa 189, diện tích 1.622,1m²; Thửa 320, diện tích 1.457,9m²; Thửa 184, diện tích 939,2m²; Thửa 185, diện tích 3.929m²; Thửa 183, diện tích 3.796m²; Thửa 207, diện tích 373,4m²; Thửa 244, diện tích 1.633m². Chia cho 05 người: Huỳnh Văn H3, Huỳnh Văn B và Huỳnh Văn P, Huỳnh Văn U và Lê Thị Ngọc M.

Các nguyên đơn nhận di sản như đã nêu, nếu ai nhận di sản thừa kế nhiều so với tỷ phần thì phải có nghĩa vụ hoàn lại cho người thừa kế nhận di sản ít theo giá đất do Hội đồng định giá tài sản huyện Đức Huệ đã định.

Đối với thửa 188, 98, 193, 243 các nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đã khởi kiện trước đây.

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19-3-2019, ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 do ông Phan Phụng Đức T1 đại diện theo ủy quyền trình bày và yêu cầu:

Thông nhất trình bày của ông F là người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời gian cha mẹ chết, chết không để lại di chúc, ngoài 09 anh chị em và 01 người con ông R thì không còn người thừa kế theo pháp luật nào của ông I và bà Q, di sản để lại là diện tích đất 29.486,7m², sau khi cha mẹ chết không còn nghĩa vụ dân sự phải thực hiện. Tất cả di sản do ông và bà H2 đang quản lý, sử dụng.

Ông B yêu cầu chia di sản thừa kế ông I, bà Q để lại diện tích 29.486,7m² thành 11 phần, trong đó: 01 phần để thờ cúng ông B nhận và 10 phần cho hàng thừa kế. Ông nhận diện tích đất ở thửa đất số 205 theo 01 tỷ phần và 3.000m² thuộc một phần thửa số 206, tờ bản đồ số 10, thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ.

Đồng thời, ông B và bà H2 yêu cầu các nguyên đơn, bà M, ông U trả lại tiền công sức, gìn giữ, tôn tạo di sản thừa kế của Huỳnh Văn I và Hà Thị Q là 120.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-7-2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Huỳnh Văn U trình bày và yêu cầu:

Thông nhất trình bày của ông F là người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời gian cha mẹ chết, chết không để lại di chúc, ngoài 09 anh chị em và 01 người con ông R thì không còn người thừa kế theo pháp luật nào của ông I và bà Q, di sản để lại là diện tích đất 29.486,7m², sau khi cha mẹ chết không còn nghĩa vụ dân sự phải thực hiện. Tất cả di sản do ông và bà H2 đang quản lý, sử dụng.

Ông yêu cầu chia di sản thừa kế ông I, bà Q để lại diện tích 29.486,7m² thành 10 phần cho hàng thừa kế. Trong đó ông nhận thừa 183, diện tích 3.796 m²; còn lại 09 thừa chia cho 09 người còn lại.

Nếu phần diện tích ông nhận nhiều so với kỷ phần thì ông có nghĩa vụ hoàn lại cho người thừa kế nhận di sản ít theo giá đất của hội đồng định giá tài sản huyện Đức Huệ đã định.

Đối với thừa 188, 98, 193, 243 ông rút yêu cầu khởi kiện đã khởi kiện trước đây.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-7-2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị Ngọc M trình bày và yêu cầu:

Thông nhất trình bày của ông F là người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời gian ông bà nội của bà chết, hàng thừa kế, chết không để lại di chúc, di sản để lại là diện tích đất 29.486,7m², sau khi ông bà nội của bà chết không còn nghĩa vụ dân sự phải thực hiện. Tất cả di sản do ông B và bà H2 đang quản lý, sử dụng.

Bà yêu cầu chia di sản thừa kế ông I, bà Q để lại diện tích 29.486,7m² thành 10 phần cho hàng thừa kế, trong đó bà nhận thừa 189, diện tích 1.622,5m².

Nếu phần diện tích bà nhận nhiều so với kỷ phần thì bà có nghĩa vụ hoàn lại cho người thừa kế nhận di sản ít theo giá đất của hội đồng định giá tài sản huyện Đức Huệ đã định.

Riêng thừa 188, 193, 98, 243 bà rút yêu cầu khởi kiện đã khởi kiện trước đây.

Các nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định và định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện Đức Huệ; không tranh chấp cây trồng trên đất. Riêng thửa đất 189 chưa được định giá, nhưng các đương sự thống nhất thửa đất 189, diện tích 1.622,1m², loại đất RSX có giá 70.000.000 đồng/m² = 113.547.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo.

- Về quan điểm xử lý vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông U, bà M. Đồng thời, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn chia di sản thừa kế thành 11 kỷ phần và công sức đóng góp 120.000.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ, Văn phòng công chứng Đức Huệ, ông Huỳnh Văn H3 vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Huỳnh Văn P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các ông (bà) Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị G, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn H1, Huỳnh Thị N khởi kiện “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với ông Huỳnh văn B, bà Nguyễn Thị Ngọc H2, diện tích đất tranh chấp 29.486,7m² tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An; Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Các nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu khởi kiện sau:

[2.1] Chia di sản thừa kế đối với các thửa đất 243, diện tích 2.977m², thửa 193 (một phần thửa), diện tích 200m², thửa 98 (một phần thửa), diện tích 1.222,9m², thửa 188, diện tích 1.847,5m².

[2.2] Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 13-8-2015 về việc ông Huỳnh Văn I tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị Ngọc H2 đối với thửa đất số 98, diện tích 1.919,6m², loại đất rừng sản xuất, tờ bản đồ số 24 được ký tại Văn phòng công chứng Đức Huệ.

[2.3] Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19-8-2015 về việc ông Huỳnh Văn I tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị Ngọc H2 đối với thửa 243, diện tích 2.977m², loại đất ở đô thị, tờ bản đồ số 10 được ký tại Văn phòng công chứng Đức Huệ.

[2.4] Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 193 (diện tích 200m², loại đất ở đô thị được chuyển mục đích sử dụng từ một phần thửa số 98), tờ

bản đồ số 24, tọa lạc tại thị trấn Đông Thành do Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ cấp cho ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị Ngọc H2.

[2.5] Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 243 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ đã cấp cho ông Huỳnh Văn B, cùng tờ bản đồ số 10 tọa lạc khu phố 4, thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

[2.6] Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên đình chỉ không xem xét đối với các yêu cầu trên.

[3] Các đương sự trong vụ án thống nhất các nội dung:

[3.1] Ông Huỳnh Văn I, sinh năm 1926 (chết năm 2015) và bà Hà Thị Q, sinh năm 1933 (chết năm 2012) có 12 người con gồm: Huỳnh văn R (có con tên Lê Thị M), Huỳnh Văn H3 (S), Huỳnh Thị G, Huỳnh Thị Nhại (chết năm 1973, chưa có chồng con), Huỳnh Thị N, Huỳnh Văn H1, Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị Tài (chết lúc 5 tuổi), Huỳnh Văn U, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn P, Huỳnh Văn B. Ngoài những người này không còn ai là người thuộc diện, hàng thừa kế theo pháp luật di sản của ông I, bà Q. Khi ông I, bà Q chết cũng không để lại di chúc, không có nghĩa vụ dân sự phải thực hiện.

[3.2] Nguồn gốc đất là tài sản đang có tranh chấp là của ông I và bà Q. Hiện đất do ông I đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa: 189, 320, 185, 184, 183, 206, 205, 207, 217, 244 . Tất cả đất tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn Đông Thành (Đức Huệ - Long An), do ông B và bà H2 quản lý, sử dụng.

[3.3] Các bên đương sự thống nhất trích đo bản đồ địa chính ngày 07-5-2019 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ duyệt ngày 19-3-2020, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 23-6-2020. Các đương sự thống nhất giá thửa đất 189 là 113.547.000 đồng, không thấp hơn giá theo Quyết định số 74/2014/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về ban hành giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Long An. Các đương sự thống nhất không tranh chấp cây trồng trên đất nên chỉ xem xét giải quyết về giá trị quyền sử dụng đất.

[3.4] Đây là tình thiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện các nguyên đơn, yêu cầu phản tố bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1] Di sản thừa kế của ông I, bà Q để lại: Diện tích 29.486,7m² gồm các thửa: 189, 320, 185, 184, 183, 206, 205, 207, 217, 244 . Tất cả đất tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn Đông Thành (Đức Huệ - Long An), do ông B và bà H2 đang quản lý, sử dụng.

[4.2] Về người được quyền hưởng di sản theo pháp luật: Những người thuộc diện và cùng hàng thừa kế có quyền thừa kế di sản của ông I, bà Q là 09 người con

của ông I, bà Q và 01 người cháu (con ông R thuộc hàng thừa kế thế vị) gồm các ông (bà): Huỳnh Văn H3 (S), Huỳnh Thị G, Huỳnh Thị N, Huỳnh Văn H1, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn U, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn P, Huỳnh Văn B, Lê Thị Ngọc M.

[4.3] Giá trị đất: Căn cứ biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Đức Huệ ngày 23-6-2020, theo sự thỏa thuận của các đương sự giá trị thửa đất 189, xác định giá trị tài sản có tranh chấp:

- Thửa 320, diện tích $1.457,9\text{m}^2$, loại đất RSX, đơn giá đất: $1.457,9\text{m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 102.053.000 \text{ đồng}$.

- Thửa 185, diện tích 3.929m^2 , loại đất LUC, đơn giá đất: $3.929\text{m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 275.030.000 \text{ đồng}$.

- Thửa 184, diện tích $939,2\text{m}^2$, loại đất BHK, đơn giá đất: $939,2\text{m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 65.744.000 \text{ đồng}$.

- Thửa 183, diện tích 3.796m^2 , loại đất LUC, đơn giá đất: $3.796\text{m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 265.720.000 \text{ đồng}$.

- Thửa 206, diện tích $7.121,5\text{m}^2$, loại đất LUC, đơn giá đất: $7.121,5\text{m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 498.505.000 \text{ đồng}$.

- Thửa 205, diện tích $4.359,5\text{m}^2$, loại đất LUC, đơn giá đất: $4.359,5\text{m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 305.165.000 \text{ đồng}$.

- Thửa 207, diện tích $373,4\text{m}^2$, loại đất LUC, đơn giá đất: $373,4\text{m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 26.138.000 \text{ đồng}$.

- Thửa 217, diện tích $4.255,1\text{m}^2$, loại đất LUC, đơn giá đất: $4.255,1\text{m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 297.857.000 \text{ đồng}$.

- Thửa 244, diện tích 1.633m^2 , loại đất LUC, đơn giá đất: $1.633\text{m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 114.310.000 \text{ đồng}$.

- Thửa 189, diện tích $1.622,1\text{m}^2$, loại đất RSX, đơn giá đất: $1.622,1\text{m}^2 \times 70.000 \text{ đồng/m}^2 = 113.547.000 \text{ đồng}$.

Tất cả thuộc tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Tổng cộng giá trị quyền sử dụng đất chia di sản thừa kế: 2.064.069.000 đồng.

[4.4] Chia di sản theo giá trị làm 10 kỷ phần: Mỗi kỷ phần thừa kế theo pháp luật có giá trị 206.406.900 đồng tương ứng với diện tích $2.948,67\text{m}^2$ (đất LUC, BHK, RSX), chia di sản thừa kế như sau:

[4.4.1] Chia cho ông H ở thửa 184, diện tích $939,2\text{m}^2$, loại đất BHK, giá trị 65.744.000 đồng và một phần thửa 205, diện tích 1.000m^2 , loại đất LUC (khu C1), giá trị 70.000.000 đồng và một phần thửa 206, diện tích 1.200m^2 , loại đất LUC

(khu B1), giá trị 84.000.000 đồng. Tổng cộng: 3.139,2m² đất, giá trị 219.744.000 đồng. Ông H nhận nhiều hơn 01 kỷ phần là 13.337.100 đồng.

[4.4.2] Chia cho ông H1 ở thửa 207, diện tích 373,4m², loại đất LUC, giá trị 26.138.000 đồng và một phần thửa 217, diện tích 2.758,1m², loại đất LUC (khu A1), giá trị 193.067.000 đồng. Tổng cộng: 3.131,5m² đất, giá trị 219.205.000 đồng. Ông H1 nhận nhiều hơn 01 kỷ phần là 12.798.100 đồng.

[4.4.3] Chia cho ông T ở thửa 244, diện tích 1.633m², loại đất LUC, giá trị 114.310.000 đồng và một phần thửa 217, diện tích 1.497m², loại đất LUC (khu A2), giá trị 104.790.000 đồng. Tổng cộng: 3.130m² đất, giá trị 219.100.000 đồng. Ông T nhận nhiều hơn 01 kỷ phần là 12.693.100 đồng.

[4.4.4] Chia cho bà G ở một phần thửa 205, diện tích 1.119,8m², loại đất LUC (khu C2), giá trị 78.386.000 đồng và một phần thửa 206, diện tích 1.973,5m², loại đất LUC (khu B2), giá trị 138.145.000 đồng. Tổng cộng: 3.093,3m² đất, giá trị 216.531.000 đồng. Bà G nhận nhiều hơn 01 kỷ phần là 10.124.100 đồng.

[4.4.5] Chia cho bà N ở một phần thửa 205, diện tích 1.120m², loại đất LUC (khu C3), giá trị 78.400.000 đồng và một phần thửa 206, diện tích 1.974m², loại đất LUC (khu B3), giá trị 138.180.000 đồng. Tổng cộng: 3.094m² đất, giá trị 216.580.000 đồng. Bà N nhận nhiều hơn 01 kỷ phần là 10.173.100 đồng.

[4.4.6] Chia cho ông B ở một phần thửa 205, diện tích 1.119,7m², loại đất LUC (khu C4), giá trị 78.379.000 đồng và một phần thửa 206, diện tích 1.974m², loại đất LUC (khu B4), giá trị 138.180.000 đồng. Tổng cộng: 3.093,7m² đất, giá trị 216.559.000 đồng. Ông B nhận nhiều hơn 01 kỷ phần là 10.152.100 đồng.

[4.4.7] Chia cho ông U ở thửa 183, diện tích 3.796m², loại đất LUC, giá trị 265.720.000 đồng. Ông U nhận nhiều hơn 01 kỷ phần là 59.313.100 đồng.

[4.4.8] Chia cho bà M ở thửa 189, diện tích 1.622,1m², loại đất RSX, giá trị 113.547.000 đồng. Bà M nhận ít hơn 01 kỷ phần là 92.943.700 đồng.

[4.4.9] Chia cho ông H3 ở một phần thửa 185, diện tích 2.694m², loại đất LUC (khu D2), giá trị 188.580.000 đồng. Ông H3 nhận ít hơn 01 kỷ phần là 17.826.900 đồng. Giao cho ông B tạm quản lý. Sau này ông H3 có quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế với ông B.

[4.4.10] Chia cho ông P ở thửa 320, diện tích 1.457,9m², giá trị 102.053.000 đồng và một phần thửa 185, diện tích 1.235m², loại đất LUC (khu đất D1), giá trị 86.450.000 đồng. Tổng cộng: 2.692,9m² đất, giá trị 188.503.000 đồng. Ông P nhận ít hơn 01 kỷ phần là 17.903.900 đồng. Giao cho ông B tạm quản lý. Sau này ông P có quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế với ông B.

[4.5] Sau khi khấu trừ giá trị chênh lệch:

[4.5.1] Những người hoàn lại cho bà M: Ông T 12.693.100 đồng, bà G 10.124.100 đồng, bà N 10.173.100 đồng, ông U 59.313.100 đồng, ông H1 556.500 đồng.

[4.5.2] Những người hoàn lại cho ông H3: ông H 13.337.100 đồng, ông H1 4.489.800 đồng.

[4.5.3] Những người hoàn lại cho ông P: Ông B 10.152.100 đồng, ông H1 7.751.800 đồng.

[4.6] Xét ông B, bà H2 quản lý di sản thừa kế làm tăng giá trị tài sản là di sản thừa kế, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện hưởng công sức đóng góp 120.000.000 đồng của ông B, bà H2. Các ông bà H, H1, T, G, N, U, M mỗi người chịu 17.142.000 đồng (làm tròn số).

[4.7] Về lệ phí:

Chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định và định giá: 40.822.000 đồng, được chia thành 08 phần, mỗi phần chịu 5.102.750 đồng. Toàn bộ số tiền do các nguyên đơn ông (bà) G, N, T, H, H1 mỗi người nộp 8.164.400 đồng và chi phí xong. Ông B và ông U, bà M mỗi người có nghĩa vụ nộp 5.102.750 đồng để hoàn lại cho các nguyên đơn.

Chi phí giám định: 8.400.000 đồng các nguyên đơn ông bà H, H1, T, G, N có nghĩa vụ chịu, đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[4.8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[4.8.1] Ông Huỳnh Văn H phải chịu 11.177.445 đồng tiền án phí dân sự, sau khi khấu trừ 4.673.750 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0004354 ngày 17-12-2018, 0004523 ngày 03-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Ông H có nghĩa vụ nộp thêm 6.503.695 đồng tiền án phí.

[4.8.2] Bà Huỳnh Thị G phải chịu 11.177.445 đồng tiền án phí dân sự, sau khi khấu trừ 3.536.187 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0004353 ngày 17-12-2018, 0004521 ngày 03-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà G có nghĩa vụ nộp thêm 7.641.258 đồng tiền án phí.

[4.8.3] Bà Huỳnh Thị N phải chịu 11.177.445 đồng tiền án phí dân sự, sau khi khấu trừ 3.536.187 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0004352 ngày 17-12-2018, 0004520 ngày 03-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà N có nghĩa vụ nộp thêm 7.641.258 đồng tiền án phí.

[4.8.4] Ông Huỳnh Văn H1 phải chịu 11.177.445 đồng tiền án phí dân sự, sau khi khấu trừ 3.709.875 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số

0004351 ngày 17-12-2018, 0004522 ngày 03-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Ông H1 có nghĩa vụ nộp thêm 7.467.570 đồng tiền án phí.

[4.8.5] Ông Huỳnh Văn T phải chịu 11.177.445 đồng tiền án phí dân sự, sau khi khấu trừ 4.114.125 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0004350 ngày 17-12-2018, 0004524 ngày 03-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Ông T có nghĩa vụ nộp thêm 7.063.320 đồng tiền án phí.

[4.8.6] Bà Lê Thị Ngọc M phải chịu 11.177.445 đồng tiền án phí dân sự, sau khi khấu trừ 3.550.750 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0004744 ngày 03-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà M có nghĩa vụ nộp thêm 7.626.695 đồng tiền án phí.

[4.8.7] Ông Huỳnh Văn U phải chịu 11.177.445 đồng tiền án phí dân sự, sau khi khấu trừ 3.321.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0005006 ngày 03-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Ông U có nghĩa vụ nộp thêm 7.855.945 đồng tiền án phí.

[4.8.8] Ông Huỳnh Văn B phải chịu 10.320.345 đồng tiền án phí dân sự, sau khi khấu trừ 9.233.900 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0004480, 0004481 cùng ngày 02-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Ông B có nghĩa vụ nộp thêm 1.086.445 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 429, 609, 611, 612, 613, 614, 617, 618, 623, 649, 650, 651 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 167, 188, 195 và 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn H1, Huỳnh Thị G, Huỳnh Thị N đối với ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 đối với các yêu cầu:

1.1. Chia di sản thừa kế đối với các thửa đất 243, diện tích 2.977m², thửa 193 (một phần thửa), diện tích 200m², thửa 98 (một phần thửa), diện tích 1.222,9m², thửa 188, diện tích 1.847,5m².

1.2. Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 13-8-2015 về việc ông Huỳnh Văn I tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị Ngọc H2 đối với thửa đất số 98, diện tích 1.919,6m², loại đất rừng sản xuất, tờ bản đồ số 24 được ký tại Văn phòng công chứng Đức Huệ.

1.3. Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19-8-2015 về việc ông Huỳnh Văn I tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị

Ngọc H2 đối với thửa 243, diện tích 2.977m^2 , loại đất ở đô thị, tờ bản đồ số 10 được ký tại Văn phòng công chứng Đức Huệ.

1.4. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 193 (diện tích 200m^2 , loại đất ở đô thị được chuyển mục đích sử dụng từ một phần thửa số 98), tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại thị trấn Đông Thành do Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ cấp cho ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị Ngọc H2.

1.5. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 243 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ đã cấp cho ông Huỳnh Văn B, cùng tờ bản đồ số 10 tọa lạc khu phố 4, thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông (bà) Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn H1, Huỳnh Thị G, Huỳnh Thị N đối với ông Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị Ngọc H2 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

- Buộc ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 phải giao lại quyền sử dụng đất ở các thửa 189, 320, 185, 184, 183, 206, 205, 207, 217, 244 để phân chia lại cho các đồng thừa kế như sau:

+ Chia cho ông H ở thửa 184, diện tích $939,2\text{m}^2$, loại đất BHK và một phần thửa 205, diện tích 1.000m^2 , loại đất LUC (khu C1) và một phần thửa 206, diện tích 1.200m^2 , loại đất LUC (khu B1). Tổng cộng: $3.139,2\text{m}^2$ đất.

+ Chia cho ông H1 ở thửa 207, diện tích $373,4\text{m}^2$, loại đất LUC và một phần thửa 217, diện tích $2.758,1\text{m}^2$, loại đất LUC (khu A1). Tổng cộng: $3.131,5\text{m}^2$ đất.

+ Chia cho ông T ở thửa 244, diện tích 1.633m^2 , loại đất LUC và một phần thửa 217, diện tích 1.497m^2 , loại đất LUC (khu A2). Tổng cộng: 3.130m^2 đất.

+ Chia cho bà G ở một phần thửa 205, diện tích $1.119,8\text{m}^2$, loại đất LUC (khu C2) và một phần thửa 206, diện tích $1.973,5\text{m}^2$, loại đất LUC (khu B2). Tổng cộng: $3.093,3\text{m}^2$ đất.

+ Chia cho bà N ở một phần thửa 205, diện tích 1.120m^2 , loại đất LUC (khu C3) và một phần thửa 206, diện tích 1.974m^2 , loại đất LUC (khu B3). Tổng cộng: 3.094m^2 đất.

+ Chia cho ông B ở một phần thửa 205, diện tích $1.119,7\text{m}^2$, loại đất LUC (khu C4) và một phần thửa 206, diện tích 1.974m^2 , loại đất LUC (khu B4). Tổng cộng: $3.093,7\text{m}^2$ đất.

+ Chia cho ông U ở thửa 183, diện tích 3.796m^2 , loại đất LUC.

+ Chia cho bà M ở thửa 189, diện tích $1.622,1\text{m}^2$, loại đất RSX.

+ Chia cho ông H3 ở một phần thửa 185, diện tích 2.694m^2 , loại đất LUC (khu D2). Giao cho ông B tạm quản lý. Sau này ông H3 có quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế với ông B.

+ Chia cho ông P ở thửa 320, diện tích 1.457,9m² và một phần thửa 185, diện tích 1.235m², loại đất LUC (khu đất D1). Tổng cộng: 2.692,9m² đất. Giao cho ông B tạm quản lý. Sau này ông P có quyền khởi kiện yêu cầu chia thửa kể với ông B.

Tất cả thuộc tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Các thửa đất nói trên có tứ cận, độ dài từng cạnh theo trích đo bản đồ địa chính ngày 07-5-2019 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ duyệt ngày 19-3-2020.

– Người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Đồng thời, ông B và bà H2 có nghĩa vụ thu hoạch cây cối, hoa màu trên đất để giao lại diện tích đất cho những người được hưởng thừa kế.

3. Sau khi khấu trừ giá trị chênh lệch, buộc:

Các ông (bà) hoàn lại cho bà M: Ông T 12.693.100 đồng (Mười hai triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, một trăm đồng), bà G 10.124.100 đồng (Mười triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm đồng), bà N 10.173.100 đồng (Mười triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, một trăm đồng), ông U 59.313.100 đồng, ông H1 556.500 đồng (Năm trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm đồng).

Các ông hoàn lại cho ông H3: ông H 13.337.100 đồng (Mười ba triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm đồng), ông H1 4.489.800 đồng (Bốn triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn, tám trăm đồng). Giao cho ông B tạm quản lý. Ông H3 có quyền khởi kiện tranh chấp đối với ông B.

Các ông hoàn lại cho ông P: Ông B 10.152.100 đồng (Mười triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, một trăm đồng), ông H1 7.751.800 đồng (Bảy triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, tám trăm đồng). Giao cho ông B tạm quản lý. Ông P có quyền khởi kiện tranh chấp đối với ông B.

4. Tiền công sức đóng góp: Buộc các ông (bà) Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn H1, Huỳnh Thị G, Huỳnh Thị N, Huỳnh Văn U, Lê Thị Ngọc M mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 17.142.000 đồng (Mười bảy triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

5. Về lệ phí:

Chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định và định giá: 40.822.000 đồng, được chia thành 08 phần, mỗi phần chịu 5.102.750 đồng. Toàn bộ số tiền do các nguyên đơn ông (bà) G, N, T, H, H1 mỗi người nộp 8.164.400 đồng và chi phí xong. Ông B và ông U, bà M mỗi người có nghĩa vụ nộp 5.102.750 đồng (Năm triệu, một trăm lẻ hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) để hoàn lại cho các nguyên đơn.

Chi phí giám định: 8.400.000 đồng các nguyên đơn ông bà H, H1, T, G, N có nghĩa vụ chịu, đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn H phải chịu 11.177.445 đồng tiền án phí dân sự, sau khi khấu trừ 4.673.750 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0004354 ngày 17-12-2018, 0004523 ngày 03-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Ông H có nghĩa vụ nộp thêm 6.503.695 đồng (Sáu triệu, năm trăm lẻ ba nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng) tiền án phí.

- Bà Huỳnh Thị G phải chịu 11.177.445 đồng tiền án phí dân sự, sau khi khấu trừ 3.536.187 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0004353 ngày 17-12-2018, 0004521 ngày 03-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà G có nghĩa vụ nộp thêm 7.641.258 đồng (Bảy triệu, sáu trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng) tiền án phí.

- Bà Huỳnh Thị N phải chịu 11.177.445 đồng tiền án phí dân sự, sau khi khấu trừ 3.536.187 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0004352 ngày 17-12-2018, 0004520 ngày 03-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà N có nghĩa vụ nộp thêm 7.641.258 đồng (Bảy triệu, sáu trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng) tiền án phí.

- Ông Huỳnh Văn H1 phải chịu 11.177.445 đồng tiền án phí dân sự, sau khi khấu trừ 3.709.875 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0004351 ngày 17-12-2018, 0004522 ngày 03-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Ông H1 có nghĩa vụ nộp thêm 7.467.570 đồng (Bảy triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm bảy mươi đồng) tiền án phí.

- Ông Huỳnh Văn T phải chịu 11.177.445 đồng tiền án phí dân sự, sau khi khấu trừ 4.114.125 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0004350 ngày 17-12-2018, 0004524 ngày 03-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Ông T có nghĩa vụ nộp thêm 7.063.320 đồng (Bảy triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi đồng) tiền án phí.

- Bà Lê Thị Ngọc M phải chịu 11.177.445 đồng tiền án phí dân sự, sau khi khấu trừ 3.550.750 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0004744 ngày 03-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà M có nghĩa vụ nộp thêm 7.626.695 đồng (Bảy triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng) tiền án phí.

- Ông Huỳnh Văn U phải chịu 11.177.445 đồng tiền án phí dân sự, sau khi khấu trừ 3.321.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0005006 ngày 03-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Ông U có nghĩa vụ nộp thêm 7.855.945 đồng (Bảy triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng) tiền án phí.

- Ông Huỳnh Văn B phải chịu 10.320.345 đồng tiền án phí dân sự, sau khi khấu trừ 9.233.900 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu số 0004480, 0004481 cùng ngày 02-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Ông B có nghĩa vụ nộp thêm 1.086.445 đồng (Một triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng) tiền án phí.

8. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Gái